

Bản án số: 133/2018/HSPT
Ngày 21 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 568/2017/TLPT- HS ngày 27 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Trần Bé T do có kháng cáo của bị cáo Trần Bé T, người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Hồng C là bà Lê Thị Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2017/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Trần Bé T tên gọi khác: T; sinh năm: 1971 tại Hậu Giang; đăng ký thường trú: Ấp T1, xã T2, huyện C1, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C2, sinh năm 1933 (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1938 (chết); anh chị em ruột có 06 người; có vợ là Võ Thị H1, sinh năm 1973 và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1995); tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/11/2016 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hồ Quốc T3– Văn phòng luật sư T4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H.

Luật sư Trần Thanh P, luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố C (Có mặt).

- **Người tham gia tố tụng kháng cáo:** *Người đại diện hợp pháp của bị hại* Võ Hồng C (Hiền) – sinh năm 1980 (chết): Bà Lê Thị Đ; sinh năm 1980; thường trú tại: Ấp T, xã T2, huyện C1, tỉnh H là vợ của bị hại Võ Hồng C (H2). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn về tranh chấp đất chưa được giải quyết dứt điểm giữa Trần Bé T và gia đình của Võ Hồng C (H2) nên khoảng 14 giờ ngày 11/11/2016, sau khi đánh đường nước xong (chuẩn bị sạ lúa) T đi vào nhà theo đường bờ mầu giáp ranh giữa ruộng của T với ruộng của gia đình C hướng kênh Đầu Ngàn vào nhà T. Trên đường đi vào nhà thì gặp C đang ngồi trên bờ mầu giáp ranh nên khi đến vị trí cách C ngồi khoảng 15m thì T bước xuống ruộng của T để đi nhằm tránh chạm mặt với C. Trong lúc T đi dưới ruộng được khoảng 4m thì C, Võ Văn M, sinh năm 1984 (em ruột của C) cầm cây len tiến đến T, C đưa cây len lên cao nhá về hướng T, T cầm cây chang (công cụ lao động) đưa thẳng về C, đồng thời đi lùi theo hướng cắt ngang ruộng đến bờ mầu giáp ranh đất ruộng của T với ruộng của bà Dương Thị T5 (Bà T5), sinh năm 1945 ngụ cùng ấp, được một đoạn khoảng giữa ruộng của T thì bị C cầm len đánh một cái nhưng không trúng. T tiếp tục đi lùi đến phần đất của bà Bà T5 thì bị M dùng len đánh trúng vào vai trái của T một cái, T cầm cây chang trên 02 tay đập vào người của M theo chiều hướng từ trên xuống không xác định được là trúng đầu làm M té xuống ruộng. Lúc này Võ Việt K, sinh năm 1987 (em ruột C) chạy đến dùng tay giật cây chang làm cây chang bị rơi xuống ruộng, T quay ra sau bước đi hướng từ đất ruộng của bà Bà T5 đến bờ mầu ranh với ruộng của T được 02 – 03 bước chân thì C dùng cây len từ phía sau đánh trúng vào mông trái của T một cái. Sau đó C từ phía sau túm áo của T kéo T lại, T đưa tay phải lên túi áo bên trái rút ra một cây dao loại dao Thái Lan đã chuẩn bị sẵn từ trước đâm mạnh vòng từ phải ra sau lưng hướng qua trái 01 nhát trúng vào phần ngực phải của C. T nghe C nói là “nó đâm trúng tao rồi”, C và T ôm nhau, M xông vào từ phía sau dùng 02 tay nắm lấy 02 tay của T đè xuống bờ mầu, K thì cầm cây len đánh từ

trên xuống (chéch từ phải qua trái) trúng vào người của T 03 - 04 cái từ phía sau thì T và C ngã nằm trên bờ mầu ranh đất giữa T và bà Bảy T5.

C được đưa đến Trạm Y tế xã T2 cấp cứu, do vết thương quá nặng nên chuyển đến Trung tâm Y tế huyện C nhưng C đã chết trên đường đi, còn T đến Công an xã T2 đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 117/TT ngày 28/11/2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Hậu Giang về tử thi Võ Hồng C kết luận nguyên nhân tử vong của Võ Hồng C: Mất máu cấp do thủng phổi, quai động mạch chủ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 12/2017/HSST ngày 12/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Bé T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Bé T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2016.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 19/9/2017 bị cáo Trần Bé T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/9/2017 người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Hồng C có bà Lê Thị Đ kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Bé T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị Đ rút toàn bộ kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo luật sư Hồ Quốc T3 trình bày: Thống nhất tội danh. Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội giết người là đúng người, đúng tội nhưng truy tố bị cáo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự là không đúng. Bị cáo không có tính chất côn đồ. Bị cáo T và gia đình bị hại tranh chấp đất đai 3-4 năm mà chưa giải quyết dứt điểm. Bị cáo bị anh em bị hại dùng công cụ lao động tấn công liên tục. Bị cáo ở tư thế bị động, bị hại tấn công bị cáo bằng len, bị cáo phải đi lùi. Khi bị cáo T bị đánh, ba anh em của bị hại C dùng len tấn công, cây len đâm vào người có thể gây ra cái chết nhưng do trúng vào mông nên bị cáo chưa chết. Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, là người dân lương thiện. Cha bị cáo là liệt sỹ, mẹ bị cáo có công với cách mạng. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo khó khăn

nhưng tiếp tục khắc phục 20.000.000 đồng cho gia đình bị hại. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo bị thương tích 3%, bị cáo đã rút yêu cầu khởi tố đối với phía gia đình bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 xử bị cáo dưới khung hình phạt, xét xử bị cáo khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo luật sư Trần Thanh P trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo khó khăn nhưng tiếp tục nộp thêm 20.000.000 đồng để khắc phục cho gia đình bị hại, việc này thể hiện thiện chí của bị cáo đã tác động gia đình để khắc phục cho gia đình bị hại. Viện kiểm sát cho rằng mâu thuẫn giữa hai bên nhỏ nhất là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm phần bồi thường này của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm và tranh luận: Do có mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai, mâu thuẫn nhỏ nhất đang được chính quyền giải quyết, lúc chạm mặt xảy ra xô xát với nhau, bị cáo chuẩn bị sẵn hung khí là dao để phòng thân và dùng để giải quyết mâu thuẫn. Bị hại có lỗi nhưng không có ý thức chiếm đoạt tính mạng của bị cáo. Phía bị hại gây thương tích cho bị cáo với tỷ lệ thương tích là 3%. Bị cáo đã rút yêu cầu khởi tố đối với hành vi gây thương tích cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nguy hiểm. Tính chất côn đồ của bị cáo thể hiện ở chỗ bị hại có lỗi nhưng bị cáo có hành vi trái pháp luật. Bị cáo chuẩn bị sẵn dao Thái Lan mang trong túi dùng để đối phó và dùng dao để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến hành vi giết người xảy ra, cái chết của bị hại C. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát đề nghị bị cáo mức án từ 12- 14 năm tù nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo 12 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, khởi điểm của khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo có xuất trình biên lai nộp 20.000.000 đồng khắc phục hậu quả nhưng việc khắc phục thêm này cũng rất ít so với số tiền bị cáo phải bồi thường. Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị Đ rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đào. Đối với kháng cáo của bị cáo T, không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo T, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Bé T thừa nhận đã có hành vi dùng dao đâm vào ngực của Võ Hồng C gây ra cái chết cho bị hại Võ Hồng C. Theo Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 117/TT ngày 28/11/2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Hậu Giang về tử thi Võ Hồng C kết luận nguyên nhân tử vong của Võ Hồng C: Mất máu cấp do thủng phổi, quai động mạch chủ. Giữa bị cáo và người bị hại có mâu thuẫn từ trước phát sinh từ tranh chấp đất đai và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết, bị cáo có thể lựa chọn cách xử sự khác thay vì chuẩn bị sẵn hung khí với mục đích sử dụng để giải quyết mâu thuẫn phát sinh và thực tế bị cáo đã sử dụng và dẫn đến hậu quả chết người xảy ra, Võ Hồng C đã chết. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính côn đồ, hung hăng, xem thường pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T phạm các tội “Giết người” theo quy định tại Điểm n, Khoản 1, Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và đề nghị tăng hình phạt của bà Lê Thị Đ là người đại diện của bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị Đ rút toàn bộ kháng cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của bà Đ, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Đ.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo T: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã tác động đến gia đình khắc phục một phần hậu quả cho gia đình người bị hại; cha của bị cáo ông Trần Văn C2 là liệt sỹ, mẹ của bị cáo có công với cách mạng; sự việc xảy ra có một phần lỗi của người bị hại; bị cáo đầu thú và nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị hại và bị cáo cũng đã thỏa thuận được về trách nhiệm dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 năm tù về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, qua thẩm vấn cho thấy tại hiện trường về tương quan lực lượng phía gia đình bị hại có ba người (M, K, C) có hung khí, tấn công bị cáo trước. Bị cáo đi lùi, nhúng nhường nhưng bị hại vẫn tiếp tục đánh bị cáo. Bị cáo bị thương tích 3%, rút yêu cầu khởi tố về hành vi trái pháp luật của gia đình bị hại để không mâu thuẫn nữa. Gia đình bị cáo đã khắc phục thêm 20.000.000 đồng sau khi xét xử sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo, động viên gia đình khắc phục hậu quả. Bị cáo có thời gian tham gia lực lượng vũ trang. Đây là các tình tiết Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, ý kiến của luật sư bào chữa, áp dụng Điều 47 Bộ luật

hình sự năm 1999, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T.

Còn các ý kiến khác của luật sư, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Do được chấp nhận kháng cáo, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bà Đ rút đơn kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của bà Lê Thị Đ. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Đ.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Bé T. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Bé T 10 (mười) năm tù về tội "Giết người". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2016.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Bé T theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm 12/2017/HSST ngày 12/9/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại thành phố Hồ Chí Minh (1)
- TAND tỉnh Hậu Giang(1);
- VKSND tỉnh Hậu Giang(1);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang(1);
- CA tỉnh Hậu Giang(1);
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang(1);
- Trại tạm giam (tổng đạt cho bị cáo)(2)
- Đại diện bị hại;
- Lưu (3) 14b án 22.

Đinh Ngọc Thu Hương